

Bản án số: **108/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/12/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp và ông Lê Thanh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trường, Thư ký TAND huyện Tây Hòa.

- **Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:** Ông **Hà Trọng H** –
Kiểm sát viên

Ngày 23/12/2022, tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Bích H1**, sinh năm 1979. Có mặt.

2. Bị đơn: **Trương Tấn T**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Cùng trú tại: **Thôn X, xã H, huyện T**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng TMCP S (S1)**. Người đại diện: Vắng mặt.

Địa chỉ Chi nhánh: **Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn **Võ Thị Bích H1** trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T** năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bị đơn không có trách nhiệm với vợ, con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn **Trương Tấn T**.

Về con chung: Có 02 con chung **Trương Hoàng T1**, sinh ngày 07/01/2004 và **Trương Hoàng Bảo T2**, sinh ngày 18/8/2007. Cháu **T1** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết; cháu **Trương Hoàng Bảo T2** hiện đang ở với nguyên đơn.

Ly hôn, nguyên đơn xin được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi cháu **T2** mỗi tháng 1.000.000đ, tính từ tháng 12/2022.

Về tài sản có: Tiền tiết kiệm 500.000.000đ gửi tại **Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh tỉnh P** tại sổ tiết kiệm số AAC 6474808 và số tiền tiết kiệm 50.000.000đ gửi tại **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh P** theo sổ tiết kiệm số CA05843169. Yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản nêu trên, mỗi người hưởng 1/2.

Về nợ chung: Nợ **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P – Phòng G** số tiền 150.000.000đ, vay để tiêu dùng cho gia đình. Yêu cầu Tòa án chia đôi số nợ trên, mỗi người trả 1/2.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với vụ án, dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản có và nợ.

Đại diện VKSND huyện Tây Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đúng quy định của BLTTDS; nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho nguyên đơn **H1** ly hôn với bị đơn **T**; về con chung: Đối với cháu **Trương Hoàng T1** đã đủ tuổi trưởng thành và không ai có yêu cầu gì nên không xét; đối với cháu **Trương Hoàng Bảo T2**, chưa đủ 18 tuổi nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi cháu **T2** mỗi tháng 1.000.000đ, tính từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu **T2** đủ 18 tuổi. Về tài sản: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại **huyện T** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tây Hòa theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên HĐXX xử vụ án theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T năm 2002, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn với bị đơn. Mâu thuẫn trên đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Trương Hoàng T1, sinh ngày 07/01/2004 và Trương Hoàng Bảo T2, sinh ngày 18/8/2007.

Hiện nay cháu T1 đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

Đối với cháu T2, hiện do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi dưỡng, cháu T2 có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với nguyên đơn. Xét hiện tại cháu T2 đang học tập, có đời sống tinh thần phát triển tốt nên cần tiếp tục giao cháu T2 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị đơn Thụy công tác trong ngành điện lực, có thu nhập ổn định nên xét chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trương Hoàng Bảo T2 mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 12/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn H1 là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, nợ chung. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị của Kiểm sát viên, nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Không có yêu cầu và đề nghị gì, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 BLTTDS.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bích H1;

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Bích H1 được ly hôn với bị đơn Trương Tấn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Hoàng Bảo T2, sinh ngày 18/8/2007 cho nguyên đơn Võ Thị Bích H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung **Trương Hoàng Bảo T2** mỗi tháng 1.000.000đ (*một triệu đồng*), tính từ tháng 12/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Bị đơn **Trương Tấn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không tự nguyện thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Võ Thị Bích H1** về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Nguyên đơn **Võ Thị Bích H2** phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0005867 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa; đã nộp xong.

Bị đơn **Trương Tấn T** phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND H. Tây Hòa
- Cục THADS H. Tây Hòa
- UBND Hòa Bình 1
(Số 190/2002)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Cao Gia